TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 573/2023/DS-ST
Ngày: 19/10/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Văn Nhất

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Thành Hưng

2/ Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thống, cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 345/2023/TLST-DS Ngày 16 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 876/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 1071/2023/QĐST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng thương mại cổ phần S**;

Địa chỉ Trụ sở: 266 - 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo PL: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm; Chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo uỷ quyền: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín (Công ty SBA)

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc Tuấn**;** Chức vụ: Tổng Giám đốc (theo giấy phép chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302847233, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 12/10/2022). Đại diện Ngân hàng TMCP S theo Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022 về việc khởi kiện các hồ sơ liên quan đến Thẻ tín dụng và Tín dụng tiêu dùng.

Đại diện theo Giấy ủy quyền: Ông **Trần Đức Thắng,** 1984 (Theo Giấy ủy quyền số 929/2022/UQ-TGĐ ngày 02/12/2022 của Công ty quản lý nợ & khai thác tài sản (Công ty SBA) Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM

- (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Phạm Hữu T**, Sinh năm 1973

HKTT: 226/19 Lê Văn Thọ, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Thực tế cư trú: 220/10/13, tổ 7A, khu phố 4, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành Phố Hồ Chí Minh

- (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/10/2020, ông Phạm Hữu T có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng– các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 146.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Phạm Hữu T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 135.682.500 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 4.399.500 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/05/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 19/10/2022, ông T còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 160.675.655 đồng; Lãi quá hạn: 102.768.263 đồng. Tổng cộng: **263.443.918** đồng

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân Quận 12 giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn như sau:

Yêu cầu bị đơn ông Phạm Hữu T phải trả ngay cho nguyên đơn tổng số tiền đến ngày 19/10/2023 là: **333.627.122** đồng. Trong đó nợ gốc**:** 160.675.655 đồng, lãi quá hạn: 172.951.467 đồng.

Ông Phạm Hữu T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 20/10/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông Phạm Hữu T nhưng ông T vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản đến Tòa để thể hiện ý kiến của mình về tranh chấp hợp đồng tín dụng với nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án, Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng giữa hai bên. Đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bị đơn cư trú tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo quy định tại Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Phạm Hữu T vắng mặt không lý do, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Phạm Hữu T và ông Trần Đức Thắng theo quy định tại Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

3/ Về các yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được, có đủ cơ sở để xác định:

Theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 26/10/2020 giữa ông Phạm Hữu T với Ngân hàng thương mại cổ phần S. Tại bảng thanh toán, quyết toán của nguyên đơn đến ngày 19/10/2023, ông T còn nợ 333.627.122 đồng. Trong đó nợ gốc**:** 160.675.655 đồng, lãi quá hạn: 172.951.467 đồng. Nguyên đơn nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng ông T không thực hiện. Nay nguyên đơn yêu cầu ông T thanh toán nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 19/10/2023, tổng cộng 333.627.122 đồng.

Theo xác nhận của Công an phường Đông Hưng Thuận thể hiện: "đương sự Phạm Hữu T, có đăng ký tạm trú và thực tế cư trú tại 220/10/13, tổ 7A, khu phố 4, Quận 12, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành Phố Hồ Chí Minh"

Tòa án đã triệu tập ông Phạm Hữu T nhiều lần, nhưng ông Phạm Hữu T vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến. Ông Phạm Hữu T đã từ bỏ việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Theo quy định tại Điều 91; Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì những tài liệu và lời khai của nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chứng cứ..

Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì: "Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay tài sản giao tài sản cho bên vay, khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định".

Do bị đơn vi phạm hợp đồng không trả tiền theo thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện bị đơn là đúng với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại toàn bộ số tiền nợ gốc đã vay là 160.675.655 đồng.

Về lãi suất: Theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết thì lãi suất cho vay là 2,4%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn ((2.4/tháng x 150% = 3.6%/tháng), thời hạn vay là 24 tháng. Xét thấy, đây là sự thỏa thuận của hai bên và không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi đến ngày 19/10/2023 là 172.951.467 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn cả tiền lãi và gốc tổng cộng là **333.627.122** đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp dân sự là 16.681.356 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là **6.586.098** đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí nêu trên ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 48, 49, 147, 217; 227, 228, 235, 264, 266, 267; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 119, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Buộc ông Phạm Hữu T phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc và số tiền lãi còn nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 26/10/2020 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng tính đến ngày 19/10/2023 là **333.627.122** đồng. Trong đó số nợ gốc là 160.675.655 đồng, tiền lãi quá hạn là 172.951.467 đồng. Trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Việc giao nhận tiền do các bên tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/10/2023), ông Phạm Hữu T còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần S thì lãi suất mà ông Phạm Hữu T phải thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2. Về án phí:

Ông Phạm Hữu T phải chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp dân sự là **16.681.356** đồng.

Trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo đơn khởi kiện là **6.586.098** đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012547 ngày 16/01/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 1 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTPHCM;
- VKS ND Quận 12;
- Chi cục THA DS Quận 12;
- Chi cục THA DS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ma Văn Nhất